TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Số: 533/2022/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Gia Lâm, ngày 19 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 471/2022/TLST–HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm N, thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Vũ Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Trần Thị N và anh Vũ Văn H, cụ thể

như sau:

2.1. Về con chung:

Chị N và anh H cùng xác định anh chị 03 con chung là: cháu Vũ Thị Như B, sinh ngày 20/8/2003; cháu Vũ Thị Tâm N, sinh ngày 25/11/2009 và cháu Vũ Thị Thanh T, sinh ngày 08/01/2014.

Đối với cháu Vũ Thị Như B đã trưởng thành, đủ 18 tuổi, không có nhược điểm gì về thể chất, tinh thần, chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

Giao cháu N và cháu T cho anh H là bố trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H đến khi cháu N, cháu T trưởng thành, đủ 18 tuổi, hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị N và anh H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Chị N và anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0073598 ngày 27/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm. Hoàn trả chị N số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
-UBND xã L(GCNKH số 40/2001);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Tạ Thị Ngân